

Số: /BC-CTK

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 8 NĂM 2024

Tháng 8/2024 có Rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan báo hiếu; nhu cầu mua sắm cho sinh viên, học sinh chuẩn bị bước vào năm học mới tăng cao; hàng hóa phục vụ tết Trung thu cũng bắt đầu khởi động khá rầm rộ; người dân tập trung sửa chữa nhà ở trước khi mùa lũ sắp đến; ... góp phần làm tăng sức cầu tiêu dùng của thị trường.

Mặt khác, các công trình hạ tầng đô thị có bước hoàn thiện đáng kể; kinh tế phục hồi và phát triển khá; hầu hết người lao động không còn tình trạng mất việc, thiếu việc làm như cuối quý IV/2022 và đầu năm 2023; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người có công tăng khá so với cùng kỳ nhờ Nhà nước áp dụng mức lương cơ sở, trợ cấp, phụ cấp, chế độ ưu đãi trong 6 tháng cuối năm 2023 và tiếp tục điều chỉnh tăng với biên độ khá lớn từ ngày 01/7/2024; ... Đó là những điều kiện quan trọng giúp sản xuất kinh doanh tiếp tục đà phục hồi và phát triển, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, ổn định và cải thiện cuộc sống cho Nhân dân.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 8 và 8 tháng năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tài chính - ngân hàng

1.1. Thu - Chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong 8 tháng năm 2024 ước thực hiện được 4.653,9 tỷ đồng, đạt 78,25% dự toán năm, tăng 10,17% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 97,8 tỷ đồng, đạt 193,66% dự toán năm nhưng giảm 70,4% so với cùng kỳ. Hầu hết các khoản thu nội địa đều tăng so với cùng kỳ năm trước như: Thu xổ số kiến thiết đạt 84,08% dự toán năm và tăng 41,82%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 111,81% dự toán năm và tăng 33,86%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương đạt 73,92% dự toán năm và tăng 13,22%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 81,85% dự toán năm và tăng 12,9%; thu phí, lệ phí đạt 73,14% dự toán và tăng 9,22%; ...

Ước tổng chi ngân sách trong 8 tháng năm 2024 được 6.035,9 tỷ đồng, đạt 54,54% dự toán năm và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển được 1.874,5 tỷ đồng, đạt 42,76% dự toán và tăng 3,55%; chi thường xuyên được 3.983 tỷ đồng, đạt 64,02% dự toán và tăng 17,38% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Ngân hàng:

Trong tháng, chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh đã tiếp tục triển khai, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ đạo của Chính phủ và các chính sách của ngành Ngân hàng; trọng tâm là: tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 17/01/2024 của Ngân hàng nhà nước về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2024 và Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 15/01/2024 về đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18/6/2024; ... Triển khai thực hiện Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản (gói tín dụng 30.000 tỷ đồng) và các nghị định của Chính Phủ, các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước, nhất là các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Trong tháng, các tổ chức tín dụng chấp hành đúng quy định về trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND và huy động bằng VND đối với loại tiền gửi dưới 6 tháng và tiền gửi bằng USD của Ngân hàng Nhà nước. Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục tăng nhẹ, lãi suất cho vay có xu hướng giảm nhằm hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp. Tình hình lãi suất cụ thể như sau:

- *Lãi suất huy động bằng VND*: Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng, từ 0,1 - 0,5%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, từ 1,6 - 4%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, từ 2,9 - 5,5%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức từ 3,9 - 6%/năm.

- *Lãi suất huy động bằng USD* vẫn duy trì mức trần 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

- *Lãi suất cho vay*: Tiếp tục giảm đối với cho vay mới theo các chương trình, gói tín dụng cụ thể và điều chỉnh giảm đối với các khoản nợ cũ. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên tại Ngân hàng thương mại là 4%/năm, tại Quỹ tín dụng nhân dân là 5%/năm. Lãi suất cho vay bình quân chung toàn tỉnh tính đến tháng 6/2024 là 8,9%/năm, giảm 1,07 điểm phần trăm so với cuối năm 2023; trong đó ngắn hạn là 8,17%/năm, trung hạn là 11,18%/năm và dài hạn là 9,77%/năm.

Số dư nguồn vốn huy động trên địa bàn ước tính đến cuối tháng 8/2024 đạt 52.200 tỷ đồng, tăng 2,38% so với cuối năm 2023; trong đó tiền gửi tiết kiệm đạt 37.400 tỷ đồng, chiếm 71,6% trên tổng số dư nguồn vốn huy động, tăng 3,64% so với cuối năm 2023.

Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn ước tính đến cuối tháng đạt 48.650 tỷ đồng, tăng 3,79% so với cuối năm 2023; trong đó dư nợ cho vay trung, dài hạn ước đạt 18.485 tỷ đồng, chiếm 38% trên tổng dư nợ cho vay, tăng 3,66% so với cuối năm 2023.

Ước tính đến cuối tháng 8/2024, nợ xấu trên địa bàn toàn tỉnh là 1.710 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 3,51% trên tổng dư nợ cho vay, tăng 0,66 điểm phần trăm so với số cuối năm 2023. Các tổ chức tín dụng tập trung xử lý, thu hồi nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước; tuy nhiên, công tác xử lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn, một số doanh nghiệp chưa phục hồi sản xuất kinh doanh, thị trường bất động sản trầm lắng nên nợ xấu có giảm nhưng không đáng kể.

Triển khai thực hiện Thông tư số 02/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn: Lũy kế từ đầu Chương trình đến cuối tháng 7/2024, có 109 khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, dư nợ gốc và nợ lãi được cơ cấu là 233 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản (gói tín dụng 30.000 tỷ đồng), đến nay có 18 khách hàng vay, doanh số lũy kế đạt 38,7 tỷ đồng, dư nợ đạt 25,3 tỷ đồng.

2. Chỉ số giá, lạm phát

Sau nhiều lần điều chỉnh giá, mặt bằng giá xăng dầu bình quân tháng 8/2024 giảm 5,5% so với tháng trước; bên cạnh đó, các mặt hàng sắt, thép giá bán giảm nhẹ, giá một số mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, trứng, thủy hải sản, rau cải các loại có xu hướng giảm, ... đã góp phần làm giảm chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index).

CPI tháng 8/2024 giảm 0,21% so với tháng trước; trong đó khu vực thành thị giảm 0,27%, khu vực nông thôn giảm 0,19%.

Sau 8 tháng (tức tháng 8/2024 so với tháng 12/2023) CPI tăng 2,69%, cao hơn tốc độ tăng CPI cùng kỳ 1,69 điểm phần trăm. CPI bình quân trong 8 tháng năm 2024 tăng 3,46% so với cùng kỳ, cao hơn 1,74 điểm phần trăm so với số liệu tương ứng của năm 2023. CPI bình quân 8 tháng của 26/32 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng so với cùng kỳ tác động làm tăng CPI chung, trong đó ảnh hưởng lớn là: Lương thực tăng 15,77%; lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 15,46%; dịch vụ khám sức khỏe tăng 10,98%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 10,75%; điện và dịch vụ điện tăng 8,91%; gas và các loại chất đốt khác tăng 7,54%; nhóm nhà ở tăng 7,09%; ăn uống ngoài gia đình tăng 6,01%; nhóm dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 5,13%; hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 4,43%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 3,37%; rượu bia tăng 2,43%; may mặc tăng 2,39%; đồ dùng học tập và văn phòng tăng 2,22%; ...

* **Chỉ số giá vàng và Dollar Mỹ:** Trong tháng giá vàng thường xuyên biến động theo xu hướng chung của thị trường trong nước và thế giới, Dollar Mỹ giảm nhẹ. Chỉ số giá vàng tháng 8/2024 tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 24,96% so với tháng 12/2023; Dollar Mỹ giảm 0,51% so với tháng trước nhưng tăng 3,56% so với tháng 12/2023. Bình quân trong 8 tháng năm 2024 chỉ số giá vàng tăng 27,27%, Dollar Mỹ tăng 5,23% so với cùng kỳ năm trước.

3. Đầu tư

Lãnh đạo tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, quyết tâm đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư công với những giải pháp trọng tâm như: Tập trung hoàn chỉnh thủ tục để sớm khởi công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị chủ đầu tư, quản lý. Tuy nhiên, do có tính chất phức tạp, nhất là trong khâu giải phóng mặt bằng, phải mất nhiều thời gian để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục xây dựng cơ bản; ... đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện vốn chung, làm cho vốn đầu tư thực hiện trong tháng 8/2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1394/QĐ-UBND về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (được bổ sung từ Nguồn vượt thu xố số kiến thiết, nguồn vốn Công đoàn ngành Ngân hàng tài trợ, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài); bên cạnh đó, trong tháng Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Long, huyện Mang Thít, huyện Tam Bình và huyện Bình Tân cũng đã ra các quyết định điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công năm 2024. Theo đó, vốn đầu tư từ nguồn Ngân sách nhà nước được điều chỉnh tăng thêm: ở cấp tỉnh là 25,040 tỷ đồng, ở cấp huyện là 405,547 tỷ đồng. Như vậy, tính đến nay tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Nhà nước địa phương quản lý năm 2024 được phân khai là 4.810,714 tỷ đồng.

Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý trong tháng 8/2024 ước tính đạt 294,5 tỷ đồng, tăng 7,99% so với tháng trước nhưng giảm 19,01% so với cùng tháng năm trước.

Tiếp tục thi công các công trình chuyên tiếp như: Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Vĩnh Long; Trụ sở làm việc Đảng bộ khối cơ quan, doanh nghiệp và Ban tuyên giáo Tỉnh ủy; Dự án Đường từ Quốc lộ 53-Khu công nghiệp Hòa Phú (đường tỉnh 909B - Đường Phú Lộc - Bàu Gốc) - Quốc lộ 1A, tỉnh Vĩnh Long; Dự án đường tỉnh 902 (đoạn từ cầu Mỹ An - cầu Vũng Liêm), huyện Mang Thít và huyện Vũng Liêm; Đường vành đai 1, huyện Vũng Liêm; Dự án Đường từ Quốc lộ 54 đến Khu công nghiệp Bình Minh, thị xã Bình Minh; Đê bao chống ngập thành phố Vĩnh Long - khu vực sông Cái Cá; Kè sạt lở bờ sông Long Hồ, khu vực phường 1, phường 5, thành phố Vĩnh Long; Kè chống sạt lở bờ sông Cái Vồn Lớn và sông Cái Vồn Nhỏ xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh; Dự án kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long; Hệ thống thủy lợi Còn Lục Sỹ, huyện Trà Ôn (giai đoạn 2); Sửa chữa Kè sông Cổ Chiên – thuộc đoạn phường 1, thành phố Vĩnh Long; Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình; Hệ thống thủy lợi Thanh Đức - Loan Mỹ, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít; ...

Lũy kế trong 8 tháng năm 2024, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý thực hiện 1.918,3 tỷ đồng, đạt 39,88% kế hoạch năm, giảm 22,94% so với cùng kỳ năm 2023. Tiến độ thực hiện vốn thấp hơn cùng kỳ năm trước 6,23 điểm phần trăm.

Trong tháng không có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép mới và đăng ký bổ sung vốn. Lũy kế 8 tháng năm 2024, có 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép mới và có 03 dự án đăng ký bổ sung vốn; tổng số vốn đăng ký và số vốn bổ sung đạt 3,01 triệu USD.

4. Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tháng 8/2024, thời tiết mưa nhiều xen kẽ nắng nóng, mưa lớn có xảy ra giông lốc, gió mạnh làm đổ ngã cây trồng; xuất hiện nhiều điểm sạt lở, sụt lún; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn còn xảy ra; ... đã làm ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất nông nghiệp - thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động hướng dẫn người dân công tác phòng trừ, quản lý dịch bệnh; hướng dẫn công tác phòng, chống thiên tai nên đã hạn chế được mức độ thiệt hại đến sản xuất. Bên cạnh đó, giá cả vật tư nông nghiệp đầu vào biến động không đáng kể; năng suất lúa đạt khá cao; nhiều loại rau màu, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản được tiêu thụ nội địa tương đối thuận lợi.

4.1. Trồng trọt

a) Cây lúa:

- Lúa hè thu năm 2024: Toàn tỉnh đã xuống giống được 36.560,5 ha, đạt 104,5% kế hoạch, giảm 2,03% hay giảm 758 ha so với cùng vụ năm trước. Diện tích lúa giảm chủ yếu do một số nơi cây lúa trồng kém hiệu quả nên được chuyển sang trồng rau màu, cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn. Tính đến nay đã thu hoạch toàn bộ diện tích lúa hè thu, ước tính sản lượng đạt 213.726 tấn với năng suất bình quân ước đạt 58,46 tạ/ha, tăng 4,03 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước.

- Lúa thu đông 2024: Tính đến ngày 20/8/2024 đã xuống giống được 34.516 ha đạt 115,1% kế hoạch, tăng 2,01% hay tăng 679 ha so với cùng kỳ năm trước. Hiện lúa đang giai đoạn mạ 4.743 ha, đẻ nhánh 16.807 ha, đồng trỗ 11.866 ha và đã thu hoạch 1.100 ha; ước tính sản lượng trên diện tích đã thu hoạch được 6.105 tấn với năng suất bình quân ước đạt 55,5 tạ/ha.

Diện tích lúa thu đông bị nhiễm sâu bệnh trên đồng trong tháng cao nhất là 5.188 ha, chủ yếu ở giai đoạn mạ đến làm đồng (tăng 3.070 ha so với tháng trước do tình hình thời tiết mưa nhiều kéo dài, kết hợp trà lúa vừa mới xuống giống giai đoạn mạ nên diện tích ốc bươu vàng gây hại diễn biến tăng).

Nhìn chung, cây lúa đang phát triển tốt, sâu bệnh chủ yếu gây hại ở mức độ nhẹ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã khuyến cáo nông dân tuân thủ lịch thời vụ, xuống giống tập trung, đồng loạt, tăng cường quản lý sâu bệnh, tập huấn nông dân về kỹ thuật sản xuất lúa và phòng trừ sâu bệnh, phòng chống thiên tai nên đã hạn chế được thiệt hại trong sản xuất lúa của người dân.

b) Cây màu (các loại cây hàng năm khác ngoài lúa):

Ước tính trong tháng gieo trồng được 2.883,3 ha rau màu (trong đó màu xuống ruộng được khoảng 2.200 ha), tăng 13,03% hay tăng 332,4 ha so với cùng tháng năm trước; lũy kế 8 tháng năm 2024, diện tích gieo trồng cây màu được 24.428,4 ha, tăng 2,9 ha so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế từ đầu năm đến nay đã gieo trồng được 938 ha ngô (bắp), tăng 9,86% so cùng kỳ năm trước; 673,3 ha khoai lang, giảm 34,19%; 164 ha mía, giảm 13,57%; 22.332 ha rau các loại, tăng 4,77%; 275 ha đậu các loại, tăng 2,1%; ... Ước sản lượng thu hoạch đến ngày 20/8/2024 được 2.522,4 tấn ngô (bắp), tăng 17,82% so cùng kỳ năm trước; 17.849 tấn khoai lang, tăng 105,82%; 10.706 tấn mía, tăng 4,96%; 420 nghìn tấn rau các loại, tăng 5,73%; 380 tấn đậu các loại, giảm 3,75%; ...

c) Cây lâu năm:

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn tỉnh hiện có 3.687 ha cây lâu năm bị nhiễm sâu bệnh, giảm 20% hay giảm 919 ha so với cùng thời điểm năm trước. Trong tháng, thời tiết mưa nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng một số loại trái cây làm cho giá bán giảm nhẹ.

Một số sản phẩm trái cây như: thanh long các loại, đu đủ, sầu riêng, cam sành, quýt, chanh, bưởi các loại, nhãn các loại, ... giá bán giảm phổ biến từ 2-10% so với tháng trước. Nguyên nhân là do đang trong mùa mưa nên chất lượng sản phẩm thu hoạch vào thời điểm này giảm, một số loại trái cây đang vào vụ thu hoạch rộ nên nguồn cung tăng mạnh.

Nhìn chung, phong trào trồng cây lâu năm trên địa bàn toàn tỉnh đang có xu hướng phát triển nâng cao về chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

4.2. Chăn nuôi

Trong tháng, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt; không phát hiện thêm ổ dịch tả heo Châu Phi và không phát hiện mới ổ dịch Cúm gia cầm.

Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 03 ổ dịch tả heo Châu Phi tại xã Thuận Thới, xã Vĩnh Xuân và xã Trà Côn thuộc huyện Trà Ôn, đã tiêu hủy toàn bộ 52 con heo bệnh với tổng trọng lượng 4.885 kg; phát hiện 01 ổ dịch Cúm gia cầm tại xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, đã tiêu hủy toàn bộ 3.500 con gà.

Ước tính tại thời điểm ngày 20/8/2024 đàn heo của tỉnh có 179.526 con, giảm 2,41% hay giảm 4.426 con so với cùng kỳ năm trước; đàn bò có 72.946 con, giảm 7,86% hay giảm 6.219 con; đàn gia cầm có 10.542 nghìn con, tăng 5,59% hay tăng 558 nghìn con, trong đó đàn gà có 7.412 nghìn con, tăng 6,78% hay tăng 470 nghìn con.

Tình hình chăn nuôi heo tiếp tục có nhiều thuận lợi, giá thịt heo hơi ổn định ở mức mức cao; dự báo trong thời gian tới, giá heo hơi tiếp tục ổn định, người nuôi có lãi nên sẽ mạnh dạn tái đàn, góp phần vào tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp. Riêng đàn bò tiếp tục xu hướng giảm là do giá bán thịt hơi vẫn đang ở mức thấp, trong khi nguồn thức ăn tự nhiên không còn nhiều, giá thức ăn chăn nuôi tăng cao.

Lũy kế công tác tiêm phòng từ đầu năm đến nay được: 25.916 liều lở mồm long móng trên heo; 16.123 liều tai xanh trên heo; 10.295 liều dịch tả heo Châu Phi; 37.575 liều lở mồm long móng trên trâu, bò; 41.550 liều viêm da nổi cục trên bò; 71.629 liều đại chố; tiêm phòng vaccine cúm gia cầm 6.338.628 liều (trong đó, các cơ sở chăn nuôi tự tiêm vaccine cúm cho 2.666.490 con gia cầm).

4.3. Thủy sản

Toàn tỉnh hiện có 1.951,4 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, giảm 0,01% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích nuôi cá tra công nghiệp là 293,5 ha, giảm 0,74% hay giảm 2,2 ha. Hiện nay tình hình xuất khẩu cá tra gặp khó khăn, giá cá thương phẩm giảm; chu kỳ nuôi được kéo dài, nuôi cầm chừng hoặc cho cá ăn ít; số lượng doanh nghiệp thu mua cá tra nguyên liệu cũng giảm đã làm ảnh hưởng nhất định đến hoạt động nuôi cá tra của tỉnh.

Ước tính 8 tháng năm 2024, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt 102.590,5 tấn, tăng 1,2% hay tăng 1.217 tấn so với cùng kỳ năm trước; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 98.323 tấn, tăng 1,23% hay tăng 1.199 tấn. Riêng cá tra nuôi công nghiệp đạt 67.689 tấn, tăng 0,93%.

Toàn tỉnh hiện có 207 cơ sở nuôi cá lồng, bè với 1.651 lồng, bè, tăng 34 chiếc; trong đó hiện đang thả nuôi 1.167 chiếc, tăng 01 chiếc so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cá lồng, bè 8 tháng năm 2024 ước được 12.383 tấn, tăng 2,5% hay tăng 302 tấn so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, giá bán thức ăn thủy sản giảm, người nuôi thay đổi giống và đa dạng các loại cá khác ngoài cá điêu hồng như cá lăng nha, cá cóc, cá he, cá chột, ... có giá trị kinh tế cao hơn và cho năng suất cao, tỷ lệ hao hụt thấp.

5. Sản xuất công nghiệp

Tình hình chính trị thế giới còn diễn biến khá phức tạp; nhất là xung đột quân sự Nga - Ucraina, căng thẳng leo thang trên Biển Đỏ tác động đến lưu thông hàng hóa qua kênh đào Suez; ... đã ảnh hưởng đến xuất khẩu sản phẩm và nhập khẩu nguyên liệu đầu vào của một số ngành công nghiệp. Tuy nhiên, nhờ Nhà nước thực hiện nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho doanh nghiệp; thực hiện chính sách miễn giảm thuế, phí, lệ phí; ... đã góp phần làm cho tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển khá. Một số ngành sản xuất chủ lực như: sản xuất giày da, sản xuất trang phục, sản xuất các sản phẩm từ vật liệu tét bện, sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ; ... tăng trưởng khá mạnh đã góp phần đưa chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2024 tăng 12,04% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production) tháng 8/2024 ước tính tăng 2,29% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai khoáng tăng 1,75%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,38%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 0,82%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 1,78%. So với cùng tháng năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2024 tăng 11,89%, trong đó ngành khai khoáng giảm 7,03%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,34%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 8,64%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 1,99%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tính chung trong 8 tháng năm 2024 tăng 12,04% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,17%, đóng góp vào IIP chung 11,5 điểm phần trăm; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 13,09%, đóng góp 0,52 điểm phần trăm; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,12%, đóng góp 0,18 điểm phần trăm. Riêng ngành khai khoáng giảm 64,5%, kéo giảm IIP chung 0,16 điểm phần trăm.

Một số ngành công nghiệp có mức sản xuất trong 8 tháng tăng mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 28,85%; sản xuất trang phục tăng 19,24%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 16,84%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 12,95%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 8,92%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 6,92%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 3,3%; ...

6. Thương mại, dịch vụ

6.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Trong tháng nguồn cung hàng hóa dồi dào, đa dạng về mẫu mã, chất lượng; các cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại đẩy mạnh khuyến mãi vào các dịp Lễ, dịp cuối tuần nhằm thu hút khách hàng; nhu cầu mua sắm cho sinh viên, học sinh bước vào năm học mới tăng cao; hàng hóa phục vụ tết Trung thu cũng đã khởi động khá rầm rộ; ... là những điều kiện quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, kích thích sức mua của người tiêu dùng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 5.737 tỷ đồng, tăng 2,45% so với tháng trước; trong đó bán lẻ hàng hóa (thương nghiệp bán lẻ) tăng 1,65%, dịch vụ lưu trú và ăn uống (khách sạn - nhà hàng) tăng 3,81%, du lịch lữ hành tăng 9,18% và dịch vụ khác tăng 4,11%.

So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,84; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 14,07%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 17%, du lịch lữ hành tăng 20,18% và dịch vụ khác tăng 10,77%. Nếu loại trừ biến động giá (CPI tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 10,05%.

Tính chung trong 8 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 45.874 tỷ đồng, tăng 12,98% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 14,32%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,73%, du lịch lữ hành tăng 14,42% và dịch vụ khác tăng 8,85%. Nếu loại trừ biến động giá (bình quân 8 tháng năm 2024 tăng 3,46% so với cùng kỳ) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 9,2%.

Khách lưu trú trong tháng 8/2024 ước đạt 169 nghìn lượt, tăng 6,65% so với tháng trước và tăng 10,27% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế trong 8 tháng năm 2024, khách lưu trú ước đạt 1.271 nghìn lượt, tăng 12,64% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch theo tour trong tháng ước đạt 20,3 nghìn lượt, tăng 8,73% so với tháng trước và tăng 9,31% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong 8 tháng năm 2024, khách du lịch theo tour đạt 140,4 nghìn lượt, tăng 10,38% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động du lịch lữ hành năm 2024 có sự phục hồi khá mạnh mẽ nhờ dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; hạ tầng đô thị thông thoáng, mỹ quan hơn; tác động tích cực từ nhiều sự kiện, lễ hội được tổ chức; ... Hơn nữa, các ngành, các doanh nghiệp đã tích cực triển khai thực hiện tốt chương trình, kế hoạch phục hồi và phát triển hoạt động du lịch của tỉnh.

6.2. Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục có xu hướng tăng trưởng mạnh; nhu cầu tiêu dùng nội địa và thị trường thế giới có xu hướng tăng đã góp phần làm cho tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của địa phương tăng khá so với tháng trước.

- **Xuất khẩu:** Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh trong tháng 8/2024 ước đạt 99 triệu USD, tăng 3,82% so với tháng trước và tăng 57,22% so với cùng tháng năm trước.

Tính chung trong 8 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 632,5 triệu USD, tăng 33,92% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều mặt hàng có mức xuất khẩu tăng mạnh đã góp phần làm tăng tổng kim ngạch xuất khẩu chung, trong đó đáng kể là: Giày da tăng 35,8%, đóng góp vào tổng kim ngạch xuất khẩu chung 19,72 điểm phần trăm; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 85,29%, đóng góp 9,45 điểm phần trăm; hàng rau quả tăng 133,84%, đóng góp 2,73 điểm phần trăm; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù tăng 75,73%, đóng góp 2,02 điểm phần trăm; ...

- **Nhập khẩu:** Tổng trị giá nhập khẩu trong tháng ước đạt 48,8 triệu USD, tăng 12,82% so với tháng trước và tăng 65,48% so cùng kỳ năm trước. Lũy kế 8 tháng năm 2024, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 279,1 triệu USD, tăng 27,52% so cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng nhập khẩu có mức nhập trong 8 tháng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước như linh kiện và phụ tùng ô tô các loại, dây điện và dây cáp điện, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày; ...

6.3. Vận tải, bưu chính chuyển phát

Trong tháng vẫn còn thời gian nghỉ hè của học sinh, sinh viên nên nhu cầu đi lại, vui chơi, giải trí tiếp tục tăng khá; bên cạnh đó, nhu cầu thuê xe hợp đồng theo chuyến, theo ngày để tham quan nghỉ mát cũng tăng đã góp phần làm cho vận tải hành khách của địa phương tiếp tục tăng so với tháng trước. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành tiếp tục trên đà phát triển mạnh góp phần làm tăng nguồn hàng hóa vận chuyển.

- **Vận tải hành khách:** Trong tháng ước tính vận chuyển được 3.721 nghìn lượt khách với 87,8 triệu HK.Km; so với tháng trước tăng 3,53% về hành khách vận chuyển và tăng 3,75% về hành khách luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 14,1% về hành khách vận chuyển và tăng 14,45% về hành khách luân chuyển.

Tính chung trong 8 tháng năm 2024, toàn tỉnh đã vận chuyển được 28,9 triệu lượt khách với 687 triệu HK.Km, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 12,26% về hành khách vận chuyển và tăng 12,42% về hành khách luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ thực hiện được 21,1 triệu lượt khách với 672 triệu HK.Km, tăng 13,09% về hành khách vận chuyển và tăng 12,47% về hành khách luân chuyển.

- **Vận tải hàng hóa:** Trong tháng ước tính vận chuyển được 407 nghìn tấn với 48,3 triệu Tấn.Km; so với tháng trước tăng 4,04% về hàng hóa vận chuyển và tăng 4,05% về hàng hóa luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 14,44% về hàng hóa vận chuyển và tăng 14,05% về hàng hóa luân chuyển.

Tính chung trong 8 tháng năm 2024, vận chuyển được 3.247,4 nghìn tấn với 384,1 triệu Tấn.Km, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 9,41% về hàng hóa vận chuyển và tăng 8,91% về hàng hóa luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ đạt 1.676 nghìn tấn với 195 triệu Tấn.Km, tăng 10,18% về hàng hóa vận chuyển và tăng 9,99% về hàng hóa luân chuyển.

- **Doanh thu vận tải:** Ước tính doanh thu vận tải tháng 8/2024 đạt 173,4 tỷ đồng, tăng 3,86% so với tháng trước và tăng 13,94% so cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 83,2 tỷ đồng tăng 3,65% so với tháng trước và tăng 13,44% so cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 80 tỷ đồng tăng 4,06% so với tháng trước và tăng 14,27% so cùng kỳ năm trước; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 4,08% so với tháng trước và tăng 15,51% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong 8 tháng năm 2024, doanh thu vận tải ước đạt 1.349,1 tỷ đồng, tăng 11,25% so cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 647 tỷ đồng, tăng 12,92%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 629,5 tỷ đồng, tăng 9,56%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 72,6 tỷ đồng, tăng 11,35% so cùng kỳ năm trước.

- **Bưu chính chuyển phát:** Doanh thu bưu chính chuyển phát (đã bao gồm Tập đoàn và Tổng công ty do Trung ương phân bổ) trong tháng ước đạt 39,4 tỷ đồng, tăng 4,25% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong 8 tháng năm 2024, doanh thu bưu chính chuyển phát đạt 283,3 tỷ đồng, tăng 12,68% so với cùng kỳ năm trước.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Công tác an sinh xã hội, chính sách đối với người có công được quan tâm thực hiện thường xuyên; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; đời sống cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cán bộ hưu trí phần nào được cải thiện do có sự tăng mức lương cơ sở từ 01/7/2024.

1. Đời sống dân cư

Trong tháng, giông lốc, mưa lớn, gió mạnh làm sập 06 căn nhà và tốc mái 19 căn, ước thiệt hại 625 triệu đồng; sạt lở, sụt lún tại 04 điểm, chiều dài 147 m, làm ảnh hưởng 16 hộ dân, ước tổng thiệt hại là 1.085 triệu đồng. Bên cạnh đó, theo Báo cáo của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Trà Ôn và qua theo dõi nắm bắt thông tin đến ngày 06/8/2024 đã phát hiện các vết rạn nứt, xé nứt vách tường nhà của 08 hộ dân, tổng chiều dài là 105m dọc tuyến sông Trà Ôn, có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông rất cao. Cập nhật bổ sung tháng 7/2024: Mưa lớn, gió mạnh ngày 12/7/2024 làm tốc mái 01 căn nhà tại thành phố Vĩnh Long, ước thiệt hại 40 triệu đồng; sạt lở, sụt lún ngày 01/7/2024 đoạn bờ bao kênh dài 15 m, sâu vào đất liền 3m tại huyện Bình Tân, ước thiệt hại 37,5 triệu đồng.

Lũy kế từ đầu năm đến nay: sập 06 căn nhà, tốc mái 21 căn, đổ ngã 1.795,66 ha lúa; sạt lở 74 điểm, dài 2.011 m làm ảnh hưởng 150 hộ dân; triều cường làm sạt lở 02 đoạn bờ bao dài 28m, ảnh hưởng trực tiếp 19 hộ dân và 0,24 ha cây ăn quả tập trung; do ảnh hưởng của hạn, thâm nhập mặn nên diện tích xuống giống vụ hè thu 2024 một số xã của huyện Vũng Liêm bị chậm hơn so với kế hoạch, với diện tích khoảng 2.112 ha. Ước tính tổng thiệt hại do thiên tai gây ra là 14.593,2 triệu đồng. Từ đầu năm đến nay đã khắc phục thiệt hại là 633,4 triệu đồng và hỗ trợ 100 bồn chứa nước cho các hộ dân bị ảnh hưởng hạn mặn.

Tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 3.157 người; lũy kế đã tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 24.321 người, đạt tỷ lệ 68,51% kế hoạch năm, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,16%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 23,41%.

Giải quyết việc làm mới cho 2.302 lao động; trong đó, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 130 lao động. Lũy kế từ đầu năm đến nay, giải quyết việc làm cho 20.704 lao động, đạt 103,52% kế hoạch năm; trong đó, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.159 lao động, đạt 68,18% kế hoạch năm.

Tư vấn, giới thiệu việc làm cho 9.309 lượt người; trong đó, giới thiệu việc làm cho 586 người. Lũy kế từ đầu năm đến nay đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 57.742 lượt người; trong đó, giới thiệu việc làm cho 2.167 người.

Trong tháng tổ chức 02 Phiên giao dịch việc làm tại địa phương và phiên giao dịch việc làm kết hợp chương trình “Cà phê việc làm” tại Trung tâm Dịch vụ việc làm, có 381 người tham dự, với sự tham gia của 07 doanh nghiệp tuyển dụng trong nước.

Tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 7.931 lượt người lao động; có 1.109 người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; ban hành 1.177 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ học nghề cho 101 người lao động thất nghiệp. Lũy kế, tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 47.203 lượt người lao động; có 7.737 người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 7.589 người lao động; hỗ trợ học nghề 1.005 người lao động.

2. Giáo dục - đào tạo

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2024-2025. Chuẩn bị các điều kiện, nội dung bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2024-2025. Báo cáo cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Nghị quyết Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3-5 tuổi và xây dựng nội dung đề xuất Đề án đổi mới Chương trình giáo dục mầm non về Vụ Giáo dục mầm non - Bộ giáo dục và Đào tạo. Phối hợp với Tổ chức Room to Read Việt Nam tổ chức lớp tập huấn dạy tiết đọc thư viện cho 06 trường tiểu học tham gia thí điểm thuộc thị xã Bình Minh, huyện Bình Tân, Trà Ôn.

Hoàn chỉnh Tài liệu giáo dục địa phương lớp 9,12. Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,9,12.

Đối với công tác khảo thí: Tổ chức xét tuyển cho 12.040/16.024 học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở (chiếm tỷ lệ 75,14%), thi tuyển 350/699 học sinh đỗ vào lớp 10 Trung học phổ thông chuyên. Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 toàn tỉnh có 10.935 thí sinh đăng ký dự thi, 10.582 thí sinh đỗ tốt nghiệp/10.614 thí sinh dự thi, đạt tỷ lệ 99,7%.

3. Văn hóa - thể thao

Tổng hợp ý kiến đóng góp văn bản quy phạm pháp luật về dự thảo Tờ trình và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khóm, khu văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh.

Chuẩn bị các phần việc tổ chức đoàn tham gia” Ngày hội Gia đình tiêu biểu các tỉnh, thành phố miền Tây Nam Bộ” lần thứ V do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại tỉnh Đồng Tháp.

Thể thao thành tích cao:

Trong tháng, có 15 đội (trẻ, thành tích cao) tham dự thi đấu đạt 94 huy chương (31 Huy chương vàng; 29 Huy chương bạc; 34 Huy chương đồng). Trong đó, tiêu biểu: Xe đạp tham dự giải vô địch Xe đạp trẻ đường trường và địa hình quốc gia năm 2024, đạt 33 huy chương (13 HCV, 14 HCB, 6 HCD); Bóng bàn tham dự giải Bóng bàn trẻ, thiếu niên, nhi đồng Toàn quốc khu vực miền Đông nam Bộ và miền Tây lần thứ V năm 2024 tại Tây Ninh, đạt 15 huy chương (05 HCV, 03 HCB, 07 HCD); Bắn cung tham dự giải vô địch Bắn cung trẻ quốc gia năm 2024 tại Hải Dương, đạt 23 huy chương (07 HCV, 04 HCB, 12 HCD); Điền kinh tham dự giải vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia năm 2024 tại Bình Định, đạt 10 huy chương (02 HCV, 05 HCB, 03 HCD).

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong tháng không ghi nhận ca mắc COVID-19 nào, tích lũy từ đầu năm đến nay ghi nhận 84 trường hợp, không có ca tử vong. So với cùng kỳ số ca mắc tích lũy giảm 94%.

Công tác tiêm vaccine phòng Covid-19: Trong tháng, không thực hiện tiêm vắc xin Covid-19. Tích lũy từ đầu năm đến nay đã tiêm được 5.732 đối tượng; trong đó từ 18 tuổi trở lên tiêm được 1.776 đối tượng và từ 12-17 tuổi tiêm được 3.956 đối tượng.

Trong tháng, bệnh tiêu chảy phát sinh 88 ca, giảm 43,58% (68 ca); bệnh viêm gan virus phát sinh 159 ca tăng 15,2% (21 ca); bệnh sốt xuất huyết phát sinh 109 ca, tăng 26,7% (23 ca); bệnh tay chân miệng phát sinh 126 ca, giảm 56,8% (166 ca); thủy đậu phát sinh 38 ca, tăng 35,7% (10 ca); sởi phát sinh 07 ca, tăng 250% (05 ca); cúm không phát sinh, giảm 03 ca; quai bị phát sinh 3 ca, giảm 25% (01 ca); so cùng kỳ năm trước; viêm não virus không phát sinh. Cộng dồn 8 tháng năm 2024: bệnh tiêu chảy giảm 40,5% (499 ca), bệnh viêm gan virus tăng 19,13% (373 ca), sốt xuất huyết giảm 32,6 % (457 ca), bệnh tay chân miệng tăng 65,6% (636 ca), thủy đậu tăng 12,5% (29 ca), quai bị tăng 50% (09 ca), sởi tăng 116,6% (07 ca), bệnh cúm tăng 466% (14 ca); bệnh viêm não virus không phát sinh.

Các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho 259.908 lượt người, trong đó có 86,4% khám bảo hiểm y tế. Lũy kế từ đầu năm đến nay, các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho hơn 1.978.101 lượt người.

Trong tháng, số trường hợp nhiễm HIV mới phát hiện là 14 trường hợp, không có ca chuyển giai đoạn AIDS, không có ca AIDS tử vong. Tích lũy từ đầu năm đến nay có 131 trường hợp nhiễm HIV mới, không có ca bệnh chuyển sang AIDS, không có ca tử vong. Tính từ năm 1993 đến nay, toàn tỉnh phát hiện 4.298 ca HIV, trong đó 1.634 ca chuyển sang giao đoạn AIDS và 876 ca tử vong.

Trong tháng, số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ là 1.140 trẻ; phụ nữ có thai tiêm VAT 2⁺ là 1.164. Tính từ đầu năm đến nay, số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 69,8% kế hoạch năm; số phụ nữ có thai tiêm VAT 2⁺ đạt 64,1% so với kế hoạch năm.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được quan tâm tăng cường, kiểm tra đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và thức ăn đường phố. Trong tháng trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại Công ty TNHH Bo Hsing, Khu Công nghiệp Hòa Phú (huyện Long Hồ), số người mắc là 216 người sau bữa ăn. Hiện đang chờ kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm và bệnh phẩm.

5. An toàn giao thông và trật tự an toàn xã hội

Trong tháng 8/2024 (từ ngày 15/7 - 14/8/2024) đã xảy ra 12 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 09 người, bị thương 10 người. So với tháng trước số vụ giảm 06 vụ, số người chết không thay đổi, số người bị thương giảm 04 người; trong tháng không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy, so với tháng trước không thay đổi.

Tính từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 101 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 67 người, bị thương 83 người; so với cùng kỳ năm 2023, tai nạn giao thông đường bộ tăng 31 vụ, số người chết tăng 05 người, số bị thương tăng 44 người. Xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường thủy, làm chết 01 người, so cùng kỳ năm trước tăng 03 vụ, số người chết tăng 01 người.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tuyên truyền và hướng dẫn, tập huấn bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các khu, tuyến Công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, chợ và khu vực đông dân cư có nguy cơ dễ dẫn đến cháy, nổ. Tăng cường công tác phòng, chống tai nạn đuối nước trẻ em; thực hiện nghiêm túc phương châm "4 tại chỗ" thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu, công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Trong tháng xảy ra 01 vụ cháy, thiệt hại tài sản khoảng 74,5 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm xảy ra 06 vụ cháy, nổ thiệt hại tài sản khoảng 705 triệu đồng.

6. Vấn đề xã hội khác

Triển khai Kế hoạch tổ chức hoạt động kỷ niệm 77 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2024), đưa đoàn người có công với cách mạng tiêu biểu của tỉnh tham dự Hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc năm 2024 tại Hà Nội. Tham mưu Tỉnh ủy thành lập 8 đoàn cấp tỉnh thăm và tặng 200 suất quà cho người có công với cách mạng trị giá 200 triệu đồng. Thăm và tặng 18.088 suất quà cho người có công và thân nhân liệt sĩ với số tiền 5.536,5 triệu đồng. Ngoài ra các huyện, thị xã, thành phố xuất từ ngân sách cấp huyện, cấp xã và vận động từ nguồn xã hội hóa tặng thêm 5.495 suất quà cho người có công với cách mạng, tổng giá trị 1.349,76 triệu đồng. Phối hợp rà soát thông tin và trình ra quyết định danh tính 04 hài cốt liệt sĩ đang an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh và Nghĩa trang liệt sĩ huyện Tam Bình.

Trong tháng, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh vận động được 208 triệu đồng; lũy kế, vận động được 21.395 triệu đồng, đạt 250,2% kế hoạch năm. Hỗ trợ ốm đau cho 05 người có công với số tiền 15 triệu đồng.

Tiếp 02 đoàn người có công với cách mạng gồm 26 người đến điều dưỡng tập trung tại Trung tâm, trong đó đoàn tỉnh Bình Thuận 18 người, đoàn tỉnh Vĩnh Long 08 người. Lũy kế tiếp 09 đoàn với 425 người có công các tỉnh đến điều dưỡng tập trung tại Trung tâm Điều dưỡng người có công.

Trung tâm Công tác xã hội: Hiện đang quản lý, chăm sóc 292 đối tượng. Trong tháng đón tiếp 60 lượt cá nhân, đoàn đến thăm, tặng quà cho đối tượng với tổng số tiền 233,2 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, đón tiếp 556 lượt với số tiền 2.602,9 triệu đồng. Vận động nguồn lực cộng đồng chăm lo công tác người yếu với số tiền 63 triệu đồng.

Quỹ Bảo trợ trẻ em: Vận động được 500 triệu đồng, lũy kế vận động được 2.242 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch năm. Phối hợp với tổ chức Sunny Korea (Hàn Quốc) khám, tư vấn và tặng quà cho 700 trẻ em thuộc gia đình chính sách, người nghèo, người tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 500 triệu đồng.

Trong tháng, lực lượng Cảnh sát Môi trường các cấp đã tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện, bắt 06 vụ 08 đối tượng vi phạm về lĩnh vực môi trường./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Lưu TH, VT.

CỤC TRƯỞNG

Hà Văn Ban

KINH TẾ - XÃ HỘI

8 tháng năm 2024

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2024
so với cùng kỳ năm trước (%)



↑ **12,04%** TOÀN NGÀNH



Khai khoáng
↓ **64,5%**



Chế biến, chế tạo
↑ **12,17%**



Điện, khí đốt, nước nóng
↑ **13,09%**



Cung cấp nước, xử lý
rác thải, nước thải
↑ **6,12%**

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

Tổng số

1.918,3 Tỷ đồng

↓ **22,94%**

Trong đó:

Vốn ngân sách Nhà nước
cấp tỉnh: 1.239,1

↓ **21,9%**

Vốn ngân sách Nhà nước
cấp huyện: 679,2

↓ **24,78%**



so với cùng kỳ năm trước

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 8 tháng năm 2024

Tổng số
45.874 Tỷ đồng
▲ **12,98%**



Bán lẻ hàng hóa

30.315 Tỷ đồng
▲ **14,32%**



Dịch vụ lưu trú,
ăn uống

6.345 Tỷ đồng
▲ **12,73%**



Du lịch lữ hành

163 Tỷ đồng
▲ **14,42%**



Dịch vụ khác

9.051 Tỷ đồng
▲ **8,85%**

Giao thông vận tải

Vận tải hành khách

Vận chuyển
28.888 Nghìn hành khách ▲ **12,26%**
Luân chuyển
687 Triệu hành khách.Km ▲ **12,42%**



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển
3.247,4 Nghìn tấn ▲ **9,41%**
Luân chuyển
384 Triệu tấn.Km ▲ **8,91%**

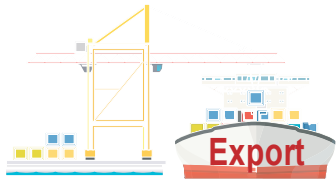


So với cùng kỳ năm trước

Xuất - nhập khẩu hàng hóa

8 tháng năm 2024

Xuất khẩu hàng hóa



632,5 triệu USD

↑ 33,92%

Nhập khẩu hàng hóa



279,1 triệu USD

↑ 27,52%

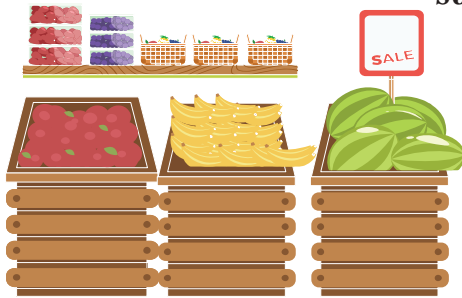
So với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

CPI

Chỉ số giá tiêu dùng
bình quân 8 tháng năm 2024
so với cùng kỳ năm trước

+ 3,46%



Tháng 8/2024
so với tháng trước

- 0,21%

Chỉ số giá vàng

Tháng 8/2024
so với tháng trước
+ 1,4%

Bình quân 8 tháng năm 2024
so với cùng kỳ năm trước
+ 27,27%



Chỉ số giá Đô la Mỹ

Tháng 8/2024
so với tháng trước
- 0,51%

Bình quân 8 tháng năm 2024
so với cùng kỳ năm trước
+ 5,23%

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Đến ngày 20 tháng 8 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hằng năm (Ha)			
Lúa			
Lúa đông xuân	39.761,5	38.137,4	95,92
Lúa hè thu	37.318,9	36.560,5	97,97
Lúa thu đông	33.837,2	34.515,9	102,01
Một số loại cây khác			
Ngô (bắp)	853,9	938,0	109,86
Khoai lang	1.023,0	673,3	65,81
Mía	189,7	163,9	86,43
Rau các loại	21.314,4	22.332,1	104,77
Đậu các loại	269,3	275,0	102,10
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)			
Lúa			
Lúa đông xuân	273.995,4	270.165,9	98,60
Lúa hè thu	203.128,9	213.725,7	105,22
Lúa thu đông	2.915,0	6.105,0	209,43
Một số loại cây khác			
Ngô (bắp)	2.140,9	2.522,4	117,82
Khoai lang	8.672,2	17.848,8	205,82
Mía	10.199,7	10.705,8	104,96
Rau các loại	397.231,7	420.012,1	105,73
Đậu các loại	394,4	379,6	96,25

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Thực hiện tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 8/2024 so với tháng trước	Ước tính tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước	Chỉ số lũy kế 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	112,17	102,29	111,89	112,04
<i>Phân theo ngành công nghiệp cấp 1 và cấp 2</i>				
Khai khoáng	62,17	101,75	92,97	35,50
- Khai khoáng khác	62,17	101,75	92,97	35,50
Công nghiệp chế biến, chế tạo	112,54	102,38	112,34	112,17
<i>Trong đó:</i>				
- Sản xuất chế biến thực phẩm	101,88	102,63	102,54	101,20
- Sản xuất đồ uống	82,63	104,07	102,47	100,25
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	55,44	102,96	54,99	89,40
- Dệt	99,33	96,68	108,02	105,32
- Sản xuất trang phục	133,03	101,16	142,98	119,24
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	131,20	102,76	120,65	128,85
- Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tre nứa	119,96	101,01	103,20	116,84
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	94,70	100,72	82,88	92,73
- In, sao chép bản ghi các loại	106,93	102,57	108,62	108,30
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	110,35	97,78	104,02	108,92
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	50,12	96,81	113,91	101,16
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	81,21	106,35	117,83	93,57
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	114,28	104,32	119,34	112,95
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	106,53	100,50	99,34	106,92
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	112,72	98,26	114,89	103,40
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	96,41	102,68	96,81	103,30
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	74,69	95,89	79,12	114,45
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng...	111,50	100,82	108,64	113,09
<i>Trong đó:</i> - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	111,57	100,82	108,69	113,15
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,54	101,78	101,99	106,12
<i>Trong đó:</i>				
- Khai thác xử lý và cung cấp nước	101,67	102,45	104,55	107,21
- Thoát nước và xử lý nước thải	98,89	100,42	92,89	95,78
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	96,78	99,45	94,02	102,90

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
- Cát tự nhiên khác	M ³	3.630	3.694	26.098	92,98	35,50
- Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ ...	Tấn	82.710	83.200	653.135	101,53	104,15
- Mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền	Tấn	5.423	5.552	38.653	98,90	108,05
- Thức ăn cho gia súc	Tấn	7.062	7.591	63.495	64,17	70,83
- Thức ăn cho thủy sản	Tấn	68.292	69.779	493.401	111,58	104,44
- Bia đóng lon	1000 lít	3.018	3.130	28.876	102,35	98,21
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	10.198	10.500	107.231	54,99	89,40
- Áo khoác dài, áo khoác không tay,...	1000 cái	243,7	244,5	1.619,6	146,59	118,18
- Giày, dép thể thao có đế ngoài ...	1000 đôi	3.403	3.497	26.661	119,64	128,75
- Sản phẩm bằng vật liệu tét bện khác	1000 cái	3.150	3.178	22.035	104,20	118,41
- Phân khoáng hoặc phân hóa học ...	Tấn	4.630	4.438	28.189	115,54	131,68
- Bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy, rửa	Tấn	3.756	3.703	31.409	100,00	103,23
- Thuốc chứa penixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	8,6	7,4	112,5	129,86	107,18
- Dược phẩm chứa hoóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	34,2	38,0	333,5	101,31	91,98
- Tượng nhỏ và các sản phẩm trang trí bằng gốm, sứ khác	1000 chiếc	127,6	103,8	1.156,4	125,32	83,28
- Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng ...	Tấn	38.091	41.072	294.384	141,00	129,58
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M ²	36.734	35.631	277.556	134,51	133,26
- Bơm tiêm có hoặc không có kim tiêm	1000 cái	1.200	500	59.020	12,92	122,63
- Điện thương phẩm	Triệu kWh	128,3	129,0	1.007,2	110,04	114,12
- Nước uống được	1000 M ³	4.433	4.543	37.560	104,65	107,27
- Dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hoá học và sinh học	Triệu đồng	357,04	358,54	2.909,09	92,89	95,78
- Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	3.707	3.683	31.442	93,81	102,95

**THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XDCB THUỘC NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	272.706	294.506	1.918.302	39,88	77,06
1) Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	181.291	195.660	1.239.065	39,14	78,10
- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh	27.418	30.541	150.530	32,79	97,25
<i>Trong đó</i> : Nguồn thu từ tiền sử dụng đất	-	3.800	3.800	2,99	8,66
- Nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW	37.240	40.578	288.438	53,01	58,72
- Nguồn vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
- Nguồn xổ số kiến thiết	57.148	62.687	389.908	27,71	79,08
- Vốn khác	59.485	61.854	410.189	59,00	97,40
2) Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	91.415	98.846	679.237	41,29	75,22
- Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	28.687	30.524	183.048	34,20	111,48
<i>Trong đó</i> : Nguồn thu từ tiền sử dụng đất	12.415	15.624	81.388	20,18	110,00
- Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư có mục tiêu	57.864	62.640	454.906	47,14	71,79
- Vốn khác	4.864	5.682	41.283	28,53	39,29
3) Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-		
- Nguồn vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-		
<i>Trong đó</i> : Nguồn thu từ tiền sử dụng đất	-	-	-		
- Nguồn vốn huyện hỗ trợ đầu tư có mục tiêu	-	-	-		
- Vốn khác	-	-	-		

DOANH THU
BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	5.599.603	5.737.038	45.873.793	113,84	112,98
Phân theo ngành kinh tế					
- Bán lẻ hàng hóa ^(*)	3.712.074	3.773.283	30.315.317	114,07	114,32
- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	796.175	826.509	6.344.631	117,00	112,73
- Du lịch lữ hành	20.439	22.316	162.665	120,18	114,42
- Dịch vụ khác	1.070.915	1.114.930	9.051.180	110,77	108,85

Ghi chú: (*) Chưa tính doanh thu của các cơ sở sản xuất trực tiếp bán lẻ.

DOANH THU BÁN LẺ HÀNG HÓA (*)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.712.074	3.773.283	30.315.317	114,07	114,32
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	1.650.393	1.668.849	13.359.388	115,08	116,28
Hàng may mặc	148.748	150.475	1.268.768	111,43	112,36
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	687.900	698.512	5.687.897	113,74	113,80
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	34.479	36.279	289.888	114,84	111,41
Gỗ và vật liệu xây dựng	150.748	155.813	1.240.875	116,69	113,74
Ô tô các loại	99.766	102.454	825.953	111,44	111,43
Phương tiện đi lại, trừ ô tô	160.390	162.469	1.308.023	111,02	111,99
Xăng dầu các loại	498.126	510.664	4.095.415	109,46	110,82
Nhiên liệu khác	34.671	34.863	292.934	113,06	110,33
Đá quý, kim loại và sản phẩm	122.583	125.403	932.074	133,30	121,34
Hàng hoá khác	59.766	60.649	479.316	112,96	111,60
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	64.504	66.853	534.786	111,33	111,01

Ghi chú: (*) Chỉ gồm hoạt động thương nghiệp bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Chưa tính doanh thu của các cơ sở sản xuất trực tiếp bán lẻ.

DOANH THU DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG VÀ DU LỊCH LỮ HÀNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	796.175	826.509	6.344.631	117,00	112,73
Dịch vụ lưu trú	15.868	16.937	132.925	114,24	116,16
Dịch vụ ăn uống	780.307	809.572	6.211.706	117,06	112,66
Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	20.439	22.316	162.665	120,18	114,42
Dịch vụ tiêu dùng khác	1.070.915	1.114.930	9.051.180	110,77	108,85

DOANH THU VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với tháng trước (%)	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	173.445	1.349.070	103,86	113,94	111,25
<i>Vận tải hành khách</i>	83.195	647.025	103,65	113,44	112,92
Đường bộ	77.287	600.382	103,67	113,42	113,17
Đường sông	5.908	46.643	103,34	113,77	109,83
Đường biển	-	-			
<i>Vận tải hàng hóa</i>	80.027	629.475	104,06	114,27	109,56
Đường bộ	57.148	450.462	104,09	114,28	110,33
Đường sông	22.879	179.013	103,99	114,24	107,68
Đường biển	-	-			
<i>Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải</i>	10.223	72.570	104,08	115,51	111,35

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA CỦA ĐỊA PHƯƠNG

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với tháng trước (%)	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn hành khách)	3.720,9	28.887,6	103,53	114,10	112,26
Đường bộ	2.741,6	21.130,9	103,63	114,23	113,09
Đường sông	979,3	7.756,8	103,25	113,73	110,06
Đường biển	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)	87.828	686.938	103,75	114,45	112,42
Đường bộ	85.920	671.903	103,76	114,46	112,47
Đường sông	1.908	15.035	103,42	114,01	109,90
Đường biển	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	407,1	3.247,4	104,04	114,44	109,41
Đường bộ	210,0	1.675,9	104,08	114,41	110,18
Đường sông	197,1	1.571,5	103,98	114,48	108,61
Đường biển	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn Tấn.Km)	48.284	384.149	104,05	114,05	108,91
Đường bộ	24.497	195.066	104,10	114,14	109,99
Đường sông	23.787	189.083	103,99	113,95	107,81
Đường biển	-	-

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 8/2024 so với				Chỉ số giá bình quân 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12/2023	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	113,26	103,44	102,69	99,79	103,46
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,77	104,00	103,90	100,10	103,61
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	133,89	110,50	102,34	100,31	115,77
Thực phẩm	115,60	101,13	102,52	100,10	100,57
Ăn uống ngoài gia đình	129,18	108,92	108,92	100,00	106,01
Đồ uống và thuốc lá	107,22	101,61	101,55	100,00	101,51
May mặc, giày dép và mũ nón	108,96	102,56	102,52	100,28	102,09
Nhà ở và vật liệu xây dựng	114,76	107,31	105,47	99,54	107,19
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,20	100,27	100,25	100,15	100,15
Thuốc và dịch vụ y tế	111,88	109,38	100,00	100,00	109,38
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	113,82	110,98	100,00	100,00	110,98
Giao thông	106,74	97,00	100,03	97,66	101,62
Bưu chính viễn thông	99,97	100,00	100,00	100,00	100,00
Giáo dục	112,44	100,69	99,99	100,00	96,24
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	112,75	100,88	100,00	100,00	94,68
Văn hóa, giải trí và du lịch	101,30	100,10	100,05	100,00	100,16
Hàng hóa và dịch vụ khác	117,63	106,29	105,84	100,04	105,71
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	199,47	135,31	124,96	101,40	127,27
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,47	105,78	103,56	99,49	105,23

HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Đơn vị tính: Tấn, 1000 USD

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng trị giá	95.375,5	99.019,6	632.536,9	157,22	133,92
Mặt hàng chủ yếu					
- Hàng thủy sản	422,0	434,4	2.237,1	...	21,41
- Hàng rau quả	3.316,0	3.505,7	22.567,5	156,72	233,84
- Gạo	-	-	55,80	...	7,02
- Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	2.781,6	2.925,5	22.190,7	274,23	175,73
- Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	5.943,5	6.425,0	34.201,8	135,22	105,40
- Xơ, sợi dệt các loại	-	-	-
- Hàng dệt may	9.962,5	10.618,2	63.116,6	146,97	100,57
- Giày dép các loại	48.783,1	49.401,7	353.215,8	141,27	135,80
- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	199,0	223,5	893,4	123,96	95,13
- Sản phẩm gốm, sứ	389,4	568,8	4.315,1	147,13	126,10
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,4	1,5	22,9
- Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	1.198,1	1.303,0	3.901,5	282,10	49,50
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	15.483,5	16.415,9	96.986,2	193,63	185,29
- Hàng hóa khác	6.895,4	7.196,4	28.832,5	223,10	152,36

HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Đơn vị tính: Tấn, 1000 USD

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng trị giá	43.217,9	48.759,2	279.145,8	165,48	127,52
Mặt hàng chủ yếu					
- Lúa mì	1.307,0	1.367,1	2.674,1	...	257,45
- Nguyên liệu chế biến TAGS	1.846,2	1.863,9	21.767,8	78,83	101,30
- Dược phẩm và nguyên phụ liệu dược phẩm	1.012,5	1.096,4	6.917,3	195,75	103,24
- Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	50,4	52,3	1.283,4	26,15	75,92
- Gỗ và sản phẩm từ gỗ	-	2.590,0	5.238,4
- Vải các loại	10.542,3	10.950,8	68.311,9	121,55	119,62
- Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	13.360,5	13.753,5	95.225,2	133,58	119,01
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	67,8	68	207,0
- Máy móc, TB, PT khác	2.041,9	3.297,8	12.154,2	305,92	125,89
- Dây điện và dây cáp điện	1.617,9	1.714,9	8.000,4	915,10	719,91
- Linh kiện và phụ tùng ô tô các loại	5.892,8	6.319,5	41.953,3	157,49	187,66
- Hàng hóa khác	5.478,6	5.684,8	15.412,8	323,63	86,90

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Ước tính 8 tháng năm 2024	Đơn vị tính: Triệu đồng	
			8 tháng năm 2024 so với (%)	
			Dự toán năm 2024	Cùng kỳ năm 2023
TỔNG THU (A+B)	376.300	4.653.872	78,25	110,17
A. Thu nội địa	372.000	4.556.075	77,26	117,01
<i>Trong đó:</i>				
- Thu từ DNNN Trung ương	14.000	133.055	73,92	113,22
- Thu từ DNNN địa phương	2.500	161.345	84,92	82,99
- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	3.000	326.492	111,81	133,86
- Thu thuế công thương nghiệp NQD	86.500	952.414	69,52	100,31
- Thu xổ số kiến thiết	102.000	1.539.473	84,08	141,82
- Thu tiền sử dụng đất	30.000	340.836	48,69	90,00
- Thu thuế thu nhập cá nhân	46.000	450.200	81,85	112,90
- Thu phí, lệ phí	6.000	62.165	73,14	109,22
B. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	4.300	97.797	193,66	29,60

CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Ước tính 8 tháng năm 2024	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>	
			8 tháng năm 2024 so với (%)	
			Dự toán năm 2024	Cùng kỳ năm 2023
TỔNG CHI (A+B+C)	1.465.049	6.035.878	54,54	112,70
A. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	1.452.589	5.915.416	54,64	113,05
- Chi đầu tư phát triển	603.000	1.874.512	42,76	103,55
- Chi thường xuyên	830.851	3.982.943	64,02	117,38
<i>Trong đó:</i>				
+ Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	330.000	1.756.048	65,23	116,04
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	2.000	9.357	30,94	54,57
+ Các khoản chi thường xuyên khác	498.851	2.217.538	63,38	117,54
<i>Trong đó:</i>				
Chi sự nghiệp y tế - KHHGD	30.000	309.683	...	118,88
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	57.000	321.500	...	95,34
Chi sự nghiệp kinh tế	28.000	170.046	...	73,52
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	110.000	815.682	...	113,87
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	1.000	100,00	100,00
- Dự phòng	18.738	46.349	23,11	194,78
- Chi trả nợ lãi	-	10.612	54,42	258,14
B. Chi chương trình mục tiêu quốc gia	12.460	110.024	47,61	94,56
C. Chi trả nợ gốc	-	10.438	104,38	150,97

TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

	Số bộ tháng 8 năm 2024	Lũy kế đến tháng 8 năm 2024	Tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tai nạn giao thông				
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	12	104	80,00	148,57
Đường bộ	12	101	80,00	144,29
Đường thủy nội địa		3	-	-
Số người chết (Người)	9	68	69,23	109,68
Đường bộ	9	67	69,23	108,06
Đường thủy nội địa	-	1	-	-
Số người bị thương (Người)	10	83	111,11	212,82
Đường bộ	10	83	111,11	212,82
Đường thủy nội địa	-	-
Cháy, nổ		-		
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	6	100,00	200,00
Số người chết (Người)	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	74,5	705	43,82	57,75